

Số: 1410 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Giao định suất lao động cho các Hội đặc thù trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng;

Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng;

Thực hiện Kết luận số 258-KL/BCS ngày 03/8/2022 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tại cuộc họp Ban Cán sự đảng UBND tỉnh ngày 19/7/2022;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1068/TTr-SNV ngày 07/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

1. Giao định suất lao động (chỉ tiêu hợp đồng) cho các tổ chức Hội đặc thù trên địa bàn tỉnh năm 2022 là **289** định suất: Hội đặc thù cấp tỉnh **93** định suất; Hội đặc thù cấp huyện **196** định suất (có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn kinh phí:

a) Đối với Hội đặc thù cấp tỉnh: Từ ngân sách của tỉnh.

b) Đối với Hội đặc thù cấp huyện: Nguồn kinh phí Hội cấp huyện: Thực hiện theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 2. Các tổ chức Hội đặc thù tỉnh, Hội đặc thù các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng định suất lao động theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch các tổ chức Hội đặc thù tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P: NC;
- Lưu: VT, (T24QĐ).



Trần Tuệ Hiền



**PHỤ LỤC GIAO ĐỊNH SUẤT LAO ĐỘNG CHO CÁC HỘI ĐẶC THÙ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 09/ 8 / của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số định suất giao	Lý do giao	Ghi chú
A	CÁC HỘI ĐẶC THÙ CẤP TỈNH (13 Hội)	93		
1	Hội Đồng Y tỉnh	4	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị	
2	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	11	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị	
3	Hội Người mù tỉnh	7	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	
4	Hội người cao tuổi tỉnh	6	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	
5	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	13	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	

6	Liên Hiệp hội khoa học kỹ thuật	13	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị	Bổ sung thêm 02 định suất (theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để bố trí PGĐ-PTBT Đài PT-TH và Báo BP và PCT Hội Chữ thập đỏ tỉnh nghỉ hưu)
7	Hội Văn học nghệ thuật	10	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị	
8	Hội Khuyến học tỉnh	5	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	
9	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	5	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	
10	Hội Luật gia	5	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	
11	Hội Cựu Thanh niên xung phong	5	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	

12	Hội Bảo trợ người khuyết tật trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo	5	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.
13	Hội Nhà báo	4	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.
B	CÁC HỘI ĐẶC THÙ CẤP HUYỆN (08 Hội)	196	
14	Hội chữ thập đỏ (11 huyện, thị xã, thành phố)	44	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.
15	Hội Khuyến học (11 huyện, thị xã, thành phố)	22	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.
16	Hội Bảo trợ người khuyết tật trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo (10 huyện, thị xã, thành phố trừ huyện Phú Riềng)	20	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.
17	Hội Người mù (11 huyện, thị xã, thành phố)	22	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.
18	Hội Người cao tuổi (11 huyện, thị xã, thành phố)	22	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.
19	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin (11 huyện, thị xã, thành phố)	22	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.

20	Hội Cựu thanh niên xung phong (11 huyện, thị xã, thành phố)	22	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	
21	Hội Đông y (11 huyện, thị xã, thành phố)	22	Theo Kết luận số 102-KL ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội quần chúng; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 08/12/2014 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị.	
	Tổng cộng	289		